

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

“V/v chị O xin ly hôn anh H”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Bá Vạn.

2. Ông Trần Đức Thi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Số nhà 29, ngõ 143, đường Chiến Thắng, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Đồng Việt H, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn V (nay là tổ dân phố V), thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Hiện đang tạm trú tại: Số nhà 29, ngõ 143, đường Chiến Thắng, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

3. *Người làm chứng:* Ông Đồng Văn D, sinh năm 1947. (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 12-8-2020 và lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Đồng Việt H đã tự nguyện ký kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 06-6-2005 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do năm 2014 anh H bỏ công việc làm dẫn đến không có công ăn việc làm ổn định, đã nhiều lần anh H đi xin việc làm nhưng chỉ làm được một thời gian rồi lại nghỉ vì lý do anh H hay uống rượu rồi bỏ bê công việc vì vậy có chỗ thì anh H tự ý bỏ việc, có chỗ thì anh H bị đuổi. Bản thân anh H là người có trình độ, có sức khỏe nhưng lại không chịu lao động để kiếm tiền cùng với chị để nuôi dạy con cái, chăm lo kinh tế cho gia đình mà anh H lại thường hay uống rượu say rồi đánh chửi vợ, con nên trong cuộc sống vợ, chồng chị thường hay xảy ra xô xát cãi chửi nhau, đã có lần anh H uống rượu say rồi khóa cửa, nhốt con ở trong nhà và dọa đốt nhà, giết vợ, con rồi tự sát. Những hành vi đó của anh H đã làm cho mẹ con chị bị khủng hoảng về mặt tinh thần và làm cho mẹ con chị luôn sợ hãi nên đã phần nào làm ảnh hưởng đến việc học tập cũng như sự phát triển của con. Do đó đã dẫn đến việc vợ, chồng chị mặc dù hiện nay vẫn còn đang sống chung cùng một nhà nhưng vợ, chồng lại ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống chung của nhau và cũng không còn quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Chị O xác định nay chị không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với anh H nữa, mâu thuẫn của vợ, chồng chị đã kéo dài và đã rất trầm trọng, chị và anh H không thể đoàn tụ với nhau được nữa. Nên, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đồng Việt Thái H, sinh ngày 03-3-2007. Cháu H hiện nay đang sinh sống cùng với chị nên ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị có nhà ở ổn định và chị đang là Trung tá Công an, công tác tại Trại tạm giam B14 của Cục an ninh điều tra Bộ Công an, chị giữ chức vụ: Phó đội trưởng, mức lương của chị được hưởng là 16.500.000đ/tháng nên chị có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ, chồng và chị sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh H không có nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị O còn trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã rất nhiều lần thông báo và triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không đến Tòa án làm việc lần nào, còn chị thì đã có mặt đầy đủ trong các buổi làm việc ở Tòa án nhưng nay vì lý do công việc làm của chị ở cơ quan rất bận, chị không thể xin phép cơ quan cho nghỉ để về Tòa án làm việc các lần tiếp theo được nên chị đề nghị Tòa

án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vụ án nữa và cho phép chị được vắng mặt trong tất cả những buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, chị O đề nghị Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị.

\* Bị đơn anh Đồng Việt H: Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều Thông báo và triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và anh H cũng không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì của mình về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-10-2020, cháu Đồng Việt Thái H trình bày: Cháu là con của anh Đồng Việt H và chị Nguyễn Thị Kim O. Nếu anh H và chị O ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với chị O và cháu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho cháu được trực tiếp ở cùng với chị O.

\* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 04-12-2020, ông Đồng Văn D trình bày: Anh H là con trai của ông, còn chị O là con dâu của ông. Anh H và chị O kết hôn với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V. Sau kết hôn anh H và chị O sinh sống cùng nhà với vợ, chồng ông ở Tổ dân phố V, thị trấn G. Anh H thì làm nghề kỹ sư cầu đường thường hay đi làm ở nhiều nơi, còn chị O thì công tác ở Công an huyện V. Đến khoảng năm 2014 thì chị O chuyển công tác lên trên thành phố Hà Nội. Sau khi chị O chuyển công tác thì gia đình chị O, anh H cũng đã chuyển hết lên Hà Nội sinh sống. Hiện nay anh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở Tổ dân phố V, thị trấn G, huyện V và anh H vẫn thường xuyên đi về quê thăm vợ, chồng ông. Về mâu thuẫn giữa anh H và chị O thì ông được biết là do tính tình giữa anh H và chị O trái ngược nhau, chị O thường tự quyết mọi việc trong gia đình mà không có sự bàn bạc thống nhất của vợ, chồng nên dẫn đến cuộc sống chung của vợ, chồng đã xảy ra nhiều bất đồng. Nay chị O xin ly hôn với anh H, với vai trò là người cha ông rất mong muốn chị O và anh H đoàn tụ với nhau, tiếp tục chung sống cùng với nhau để nuôi dạy con cái. Nhưng nếu như chị O vẫn cương quyết ly hôn thì ông cũng không có ý kiến gì vì đó là việc riêng của chị O và anh H nên vợ, chồng anh, chị ấy tự quyết định.

Anh H và chị O có 01 con chung là cháu Đồng Việt Thái H, sinh ngày 03-3-2007. Nếu như anh H và chị O phải ly hôn với nhau thì ông đề nghị Tòa án cân nhắc việc giao con cho chị O hay anh H trực tiếp nuôi dưỡng làm sao phải đảm bảo được các điều kiện tốt nhất để cho cháu H được học tập và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác.

Lý do anh H không đến Tòa án để làm việc là do hiện nay anh H đang làm ở trên thành phố Hà Nội. Về các văn bản tố tụng mà Tòa án đã gửi cho anh H thì đến nay gia đình ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 124/TB-TLVA ngày 22-10-2020 của Tòa án, sau khi nhận được thông báo ông đã thông báo ngay cho anh H biết và gửi lên Hà Nội ngay cho anh H. Nếu sau này Tòa án có gửi văn

bản tố tụng nào cho anh H thì ông sẽ nhận thay cho anh H và ông sẽ thông báo hoặc gửi ngay cho anh H biết.

\* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 04-12-2020, chính quyền địa phương cung cấp: Chị O và anh H kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V vào ngày 06-6-2005. Sau kết hôn anh H và chị O sinh sống tại Tổ dân phố V, thị trấn G. Đến khoảng năm 2014 thì chị O chuyển công tác lên trên thành phố Hà Nội. Sau khi chị O chuyển công tác thì gia đình chị O, anh H cũng chuyển hết lên trên Hà Nội sinh sống và khi chuyển công tác thì chị O cùng với con cũng chuyển khẩu luôn lên Hà Nội, chỉ có một mình anh H là không chuyển khẩu đi thôi. Hiện nay anh H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố V, thị trấn G và anh H vẫn thường xuyên đi về địa phương để thăm gia đình, bố, mẹ. Về mâu thuẫn giữa chị O và anh H dẫn đến việc chị O phải xin ly hôn với anh H thì do chị O và anh H không còn sinh sống tại địa phương đã lâu nên địa phương không nắm bắt được cụ thể như thế nào.

Chị O và anh H có 01 con chung là cháu Đồng Việt H, sinh ngày 03-3-2007, cháu H có đăng ký khai sinh tại UBND thị trấn G.

Nay chị O xin ly hôn với anh H, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các đương sự để giải quyết sao cho hợp lý, hợp tình. Nếu như chị O và anh H phải ly hôn với nhau thì nên giao con chung của vợ, chồng anh chị ấy cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim O

- + Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim O và anh Đồng Việt H.

- + Về nuôi con chung: Giao cháu Đồng Việt Thái H, sinh ngày 03-3-2007 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O.

- + Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị O phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập hợp lệ anh Đồng Việt H là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh H đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với chị Nguyễn Thị Kim O là nguyên đơn vắng mặt, nhưng chị O đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị Kim O và anh Đồng Việt H đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 06-6-2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của chị O và anh H là hợp pháp đã thỏa mãn đầy đủ về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên, được pháp luật bảo vệ. Sau kết hôn chị O và anh H đã có một khoảng thời gian vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được 09 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do chị O và anh H tính cách không hợp nhau nên luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra còn nguyên nhân khác nữa mà theo như chị O xác định là do anh H không chịu khó lao động để kiếm tiền cùng với chị để chăm lo xây dựng gia đình mà anh H lại thường hay uống rượu say rồi đánh chửi, đe dọa vợ, con nên đã dẫn đến việc vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát với nhau và vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù hiện nay chị O và anh H vẫn sinh sống chung cùng với nhau trong một nhà nhưng chị O và anh H đã ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm đến ai và cũng không còn quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau suốt từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa chị O và anh H đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét hôn nhân của chị O và anh H nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được do đó đời sống chung của chị O và anh H không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, việc chị O xin ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật cũng như tình trạng thực tế hiện nay của hôn nhân. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O và xử ly hôn giữa chị O và anh H là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xét chị Nguyễn Thị Kim O và anh Đồng Việt H có 01 con chung là cháu Đồng Việt Thái H, sinh ngày 03-3-2007. Hiện nay chị O đang trực

tiếp nuôi dưỡng cháu H. Ly hôn chị O cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị; còn về phía anh H thì cho đến nay cũng không có ý kiến, hay quan điểm gì của mình về con chung của vợ, chồng. Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị O có đầy đủ sức khỏe, có nhà ở ổn định, có công việc làm ổn định và có thu nhập ổn định nên chị O có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu H được tốt nhất; mặt khác thì cháu H cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với chị O. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu anh Đồng Việt H phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Nên, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim O xác định vợ, chồng không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; mặt khác thì cho đến nay anh Đồng Việt H cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về những vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim O là nguyên đơn. Nên, buộc chị O phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim O và anh Đồng Việt H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đồng Việt Thái H, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Đồng Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Kim O.

Anh Đồng Việt H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Kim O.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng. Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002031 ngày 22 tháng

10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định. (Chị O đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim O và anh Đồng Việt H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**

.